TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2021/DS-ST
Ngày 13-10-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Ông Nguyễn Hồng Vũ;

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Bùi Thị Nga;

2. Ông Nguyễn Như Quang;

- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Khánh Hạ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà:* Bà Hoàng Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 136/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2021 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 442/2021/QĐST-DS ngày 24/9/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Đường L, phường Th, Quận B, Tp. Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn S. Chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai. Địa chỉ: Đường H, thị trấn I, huyện G, tỉnh Gia Lai (Theo Văn bản ủy quyền số 413/QĐ-NHN$_{o}$.IGĐGL-TH/GUQ ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Giám đốc Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Ph và ông Nguyễn Đình L.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng N (Ngân hàng) thông qua Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai đã cho bà Lê Thị Ph và ông Nguyễn Đình L vay tiền theo Hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng số 660117/HĐTD ngày 10/01/2017 với số tiền vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); mục đích vay là vay để đáp ứng nhu cầu chi phí, sản xuất kinh doanh, đời sống hộ gia đình; thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày 12/01/2017; lãi suất trong hạn là 10%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn; phương thức trả nợ lãi 03 tháng/lần.

Để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ tiền vay theo hợp đồng tín dụng, giữa Ngân hàng với bà Ph, ông L đã giao kết Hợp đồng thế chấp số 192017/HĐTC ngày 09/01/2017, tài sản thế chấp là đất và tài sản trên đất của thửa đất số 34 thuộc tờ bản đồ số 48 tại thị trấn I, huyện G, tỉnh Gia Lai do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 632370, số vào sổ cấp giấy CH11651/CM ngày 29/01/2016 cho bà Lê Thị Ph và ông Nguyễn Đình L. Việc thế chấp tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai – Chi nhánh huyện G vào ngày 10/01/2017.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông L và bà Ph đã trả được số tiền lãi từ ngày 12/01/2017 đến ngày 03/11/2017 với số tiền 15.111.113 đồng. Sau thời hạn trên, bà Ph và ông L không tiếp tục trả lãi và nợ gốc khi đến hạn. Ngày 13/01/2018, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lê Thị Ph và ông Nguyễn Đình L phải trả cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng; nợ lãi tính đến ngày 13/10/2021 là 117.815.830 đồng, gồm: nợ lãi trong hạn là 5.213.090 đồng, nợ lãi quá hạn là 112.602.740 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm đến thời điểm trả hết số tiền nợ gốc. Trường hợp bà Lê Thị Ph và ông Nguyễn Đình L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

2. Ý kiến trình bày của bị đơn: Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên không có lời khai trình bày; không có ý kiến, yêu cầu đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do nên bị đơn chưa tuân thủ các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- Về giải quyết nội dung vụ án: Mặc dù hợp đồng tín dụng do bà Lê Thị Ph ký kết, tuy nhiên ông Nguyễn Đình L cũng là người ký kết hợp đồng thế chấp để bảo đảm cho khoản vay. Mục đích vay là để đáp ứng nhu cầu chi phí, sản xuất kinh doanh, đời sống hộ gia đình nên là khoản vay chung của vợ chồng bà Ph, ông L. Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông L có trách nhiệm liên đới cùng bà Ph trả nợ là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị đơn phải trả tiền nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Hợp đồng tín dụng, giữa Ngân hàng (Bên cho vay) và bà Lê Thị Ph (Bên vay) đã thỏa thuận: Bên vay có nghĩa vụ *"trả nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận trong hợp đồng và từng giấy nhận nợ"* (Điều 7); Bên cho vay có quyền *"khởi kiện theo quy định của pháp luật khi bên B vi phạm hợp đồng tín dụng"* (Điều 6). Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu để chứng minh, ngoài việc trả số tiền lãi 15.111.113 đồng, bị đơn đã không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả lãi và trả nợ gốc khi đến hạn, vi phạm các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng tín dụng. Do đó, Ngân hàng khởi

kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về thực hiện hợp đồng tín dụng là phù hợp với các nội dung thỏa thuận, phù hợp với quy định của Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Khi giao kết hợp đồng, bị đơn có địa chỉ cư trú tại: Thôn C, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Ia Grai có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án.

[2] Về thủ tục tống đạt văn bản tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của pháp luật nhưng bà Lê Thị Ph và ông Nguyễn Đình L vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đối chiếu với lời trình bày, lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại *"Hợp đồng tín dụng số 660117/HĐTD ngày 10/01/2017"*; *"Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 12/01/2017"*; *"Theo dõi phát tiền vay và định kỳ trả của Ngân hàng (Đính kèm hợp đồng tín dụng)"* thể hiện, vào ngày 12/01/20217 Ngân hàng đã giải ngân cho bà Lê Thị Ph vay số tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay là vay để đáp ứng nhu cầu chi phí, sản xuất kinh doanh, đời sống hộ gia đình; thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày 12/01/2017; lãi suất trong hạn là 10%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Bên vay đã cam kết thanh toán tiền lãi 03 tháng/lần hoặc trả lãi hàng tháng và trả nợ gốc vào cuối kỳ là ngày 12/01/2018.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, ngoài số tiền lãi đã trả cho Ngân hàng là 15.111.113 đồng, bị đơn không tiếp tục trả lãi và trả nợ gốc khi đến hạn nên đã vi phạm các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng trong việc cấp tín dụng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay cho nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 275, 280 và 351 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Mặc dù Hợp đồng tín dụng do bà Lê Thị Ph ký kết nhưng xét khoản vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà Ph và ông L; mục đích vay tiền nhằm đáp ứng nhu cầu chi phí, sản xuất kinh doanh, đời sống hộ gia đình. Ông Nguyễn Đình L đồng ý ký kết hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của khoản vay, cho thấy ông L biết rõ và đồng ý với việc vay tiền, cùng sử dụng tiền vay của bà Ph vào mục đích chung của gia đình nên có căn cứ xác định khoản nợ vay chung của bà Lê Thị Ph và ông Nguyễn Đình L. Do đó, ông Nguyễn Đình L phải liên đới cùng bà Lê Thị Ph thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền 317.815.830 đồng. Bao gồm, nợ gốc là 200.000.000 đồng; nợ lãi là trong hạn là 5.213.090 đồng; nợ lãi quá hạn là 112.602.740 đồng.

[5] Ngoài ra, căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sở thẩm, Ngân hàng yêu cầu bà Lê Thị Ph và ông Nguyễn Đình L phải tiếp tục trả lãi chậm trả kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả xong nợ gốc là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp:

Tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 192017/HĐTC ngày 09/01/2017, bà Lê Thị Ph và ông Nguyễn Đình L đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 34 thuộc tờ bản đồ số 48 tại thị trấn I, huyện G, tỉnh Gia Lai do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 632370, số vào sổ cấp giấy CH11651/CM ngày 29/01/2016 cho bà Lê Thị Ph và ông Nguyễn Đình L.

Xét khi giao kết hợp đồng thế chấp, các bên đều đảm bảo điều kiện về chủ thể tham gia giao dịch; ý chí đều tự nguyện, không bị ép buộc; mục đích và nội dung của hợp đồng thế chấp nhằm đảo bảo thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng nên không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hợp đồng được chứng thực và đăng ký thế chấp tại Cơ quan có thẩm quyền đúng quy định của pháp luật nên hợp đồng có hiệu lực. Kết quả xem xét, thẩm định xác định, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đã thế chấp thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp, không phát sinh

tranh chấp với người khác. Do đó, nguyên đơn yêu cầu trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 299, khoản 1 Điều 319, khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp là 3.000.000 đồng.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 15.890.791 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147; Điều 157 và Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 275, 280, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 351, 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 94 và 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

1. Về nghĩa vụ thanh toán: Buộc bà Lê Thị Ph và ông Nguyễn Đình L phải trả cho Ngân hàng N số tiền 317.815.830 đồng *(Ba trăm mười bảy triệu tám trăm mười lăm ngàn tám trăm ba mươi đồng)*. Bao gồm, nợ gốc là 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng)*; lãi trong hạn là 5.213.090 đồng *(Năm triệu hai trăm mười ba ngàn không trăm chín mươi đồng)*; lãi quá hạn là 112.602.740 *đồng (Một trăm mười hai triệu sáu trăm lẻ hai ngàn bảy trăm bốn mươi đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp bà Lê Thị Ph và ông Nguyễn Đình L không trả được các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, bao gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 34 thuộc tờ bản đồ số 48 tại thị trấn I, huyện G, tỉnh Gia Lai, được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 632370, ngày 29/01/2016 cho bà Lê Thị Ph và ông Nguyễn Đình L.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Lê Thị Ph và ông Nguyễn Đình L phải trả lại cho Ngân hàng N số tiền 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)*.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Ph và ông Nguyễn Đình L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.890.791 đồng *(Mười lăm triệu tám trăm chín mươi ngàn bảy trăm chín mươi mốt đồng)*.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.679.167 đồng *(Bảy triệu sáu trăm bảy mươi chín ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng)*. Theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0012008, ngày 06/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (13/10/2021). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Về thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Vũ